

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ
QUÝ II NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng số chi	5638344000		5638344000	1659099000	150000000	1509099000	29.43		26.76
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	651989000		651989000	210462000		210462000	32.28		32.28
1.1. Chi dân quân tự vệ	436159000		436159000	147489000		147489000	33.82		33.82
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	215830000		215830000	62973000		62973000	29.18		29.18
2. Chi giáo dục	53593000		53593000	49661000		49661000	92.66		92.66
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	52998000		52998000						
5. Chi văn hóa, thông tin	40500000		40500000	85810000		85810000	211.88		211.88
6. Chi phát thanh, truyền thanh	36600000		36600000						
7. Chi thể dục, thể thao	36600000		36600000						
8. Chi bảo vệ môi trường	56000000		56000000	24200000		24200000	43.21		43.21
9. Chi các hoạt động kinh tế	460500000		460500000						
9.1. Giao thông	186000000		186000000						
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	274500000		274500000						
9.3. Thị chính									
9.4. Thương mại, du lịch									
9.5. Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4134798000		4134798000	1147923000	50000000	1097923000	27.76		26.55
Trong đó: Quỹ lương				719312000		719312000			
10.1. Quản lý Nhà nước	2654418000		2654418000	782138000	50000000	732138000	29.47		27.58
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	725966000		725966000	194920000		194920000	26.85		26.85

Tỉnh Hà Tĩnh
Huyện Hương Sơn
Xã Sơn Kim 1

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	176117000		176117000	31210000		31210000	17.72		17.72
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	159867000		159867000	27187000		27187000	17.01		17.01
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	135282000		135282000	29856000		29856000	22.07		22.07
10.6. Hội Cựu chiến binh	66505000		66505000	11337000		11337000	17.05		17.05
10.7. Hội Nông dân	147317000		147317000	57200000		57200000	38.83		38.83
10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	69326000		69326000	14075000		14075000	20.3		20.3
11. Chi cho công tác xã hội	114766000		114766000	141043000	100000000	41043000	122.9		35.76
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	30510000		30510000	9654000		9654000	31.64		31.64
11.2. Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
11.3. Trợ cấp xã hội									
11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	38816000		38816000	131389000	100000000	31389000	338.49		80.87
11.5. Khác									
12. Chi khác									
13. Dự phòng									
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
15. Nộp trả ngân sách cấp trên									

Ngày tháng năm

Bộ phận tài chính, kế toán xã

TM. UBND xã
Chủ tịch

Nguyễn Văn Khuyển

Hoàng Văn Thư